

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường chăn nuôi ngày 17/01/2022 15:20 17/01

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Giá heo Trung Quốc ít biến động trong 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này, dao động quanh 14,3 tệ/kg khi dịch Covid diễn biến phức tạp khiến nhiều hoạt động lễ hội chào đón năm mới bị hạn chế. Tại miền Nam Trung Quốc, giá cũng không có nhiều thay đổi, dao động quanh 15 tệ/kg, tương đương 53-56.000 đồng/kg.
- Tại sàn Đại Liên, giá heo Trung Quốc tiếp tục xu hướng giảm vào đầu tuần này, còn quanh 13,8-16,0 tệ/kg cho kỳ hạn tháng 3-7/2022, tương đương 49-57.000 đồng/kg.
- Theo Cục thống kê Quốc gia Trung Quốc, tổng sản lượng thịt của nước này trong năm 2021 tăng 16,3% so với năm trước, chủ yếu đến từ sự gia tăng sản lượng thịt heo với mức tăng trưởng lên tới gần 30%.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, sau khi tăng liên tục vào tuần trước, với tổng mức tăng gần 10.000 đồng/kg, kéo mặt bằng giá heo tiệm cận mức 60.000 đồng/kg thì giá heo cũng đã tăng vào hôm nay do nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh.
- Giá heo hơi tăng mạnh trong khi giá heo mảnh và heo bán lẻ không tăng tương ứng khiến cánh lái mổ nghi bán nhiều, làm lượng heo đưa về các lò mổ và chợ đầu mối bán không hết, phải để tồn tới hôm sau.

Miền Trung

- Tại **miền Trung**, giá heo được hỗ trợ bởi nhu cầu đóng heo đi Thái thông qua cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum) và Lệ Thanh (Gia Lai). Do giá heo miền Trung cũng tăng mạnh, lên vùng 57-58.000 đồng/kg nên lượng heo đóng đi Thái giảm lại, còn 2 xe/ngày/cửa khẩu, từ mức 5 xe/ngày/cửa khẩu vào tuần trước.

Miền Nam

- Tại **miền Nam**, nhờ lực đóng ra Bắc cùng 1 số xe đóng đi cửa khẩu nên mặt bằng giá cũng đẩy tăng liên tiếp, lên quanh 56-58.000 đồng/kg. Khu vực miền Tây hiện có giá heo thấp nhất cả nước khi mặt bằng giá giao dịch phổ biến quanh 53-55.000 đồng/kg.

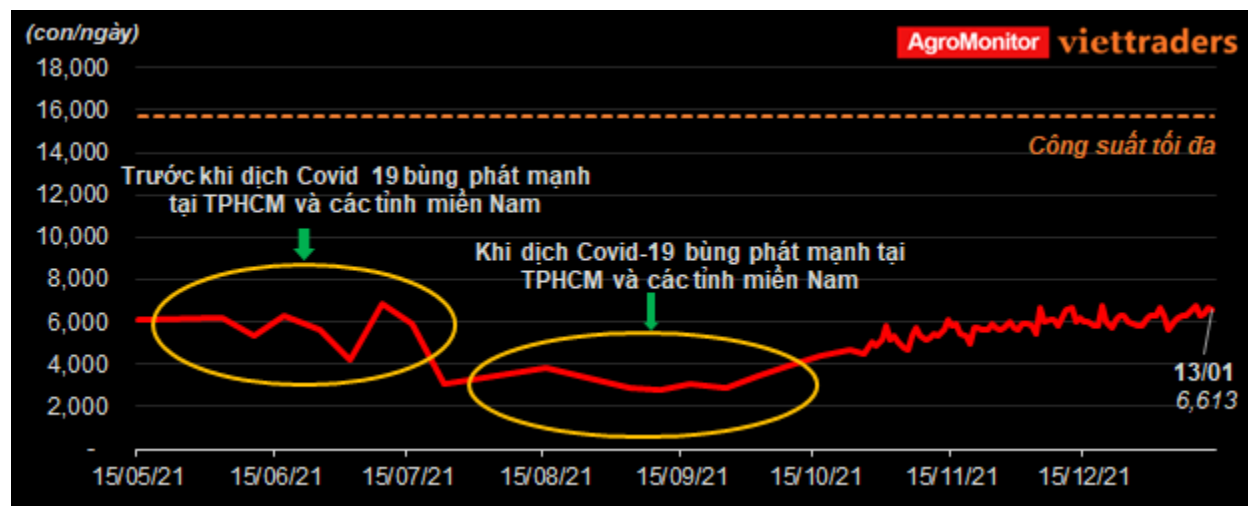
Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt 3.500 con, trong đó có 12 xe heo từ miền Trung và miền Nam và một phần heo tồn từ hôm qua chuyển sang. Tuy nhiên, từ thứ 7, khi giá heo tại chợ khó đẩy tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá heo miền Trung/miền Nam tăng mạnh khiến nhu cầu đóng heo từ miền Trung/miền Nam ra Bắc giảm thì từ ngày mai lượng heo từ các khu vực này ra Bắc sẽ ít lại. Chợ bán linh xình với giá heo đầu 61.500 đồng/kg, phổ biến 57.000 đồng/kg.

- Tại **chợ Tân Xuân**, hai ngày cuối tuần trước và đầu tuần này lượng heo nhập lò đạt 4.700 con, nhập chợ đạt 3.800-4.000 con. Chợ bán được giá vào đầu phiên nhưng rút nhẹ còn 60-62.000 đồng/kg vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 68-70.000 đồng/kg.

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 13/1/2022 (con/ngày) 10:18 13/01

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 13/01/2022 (con/ngày)

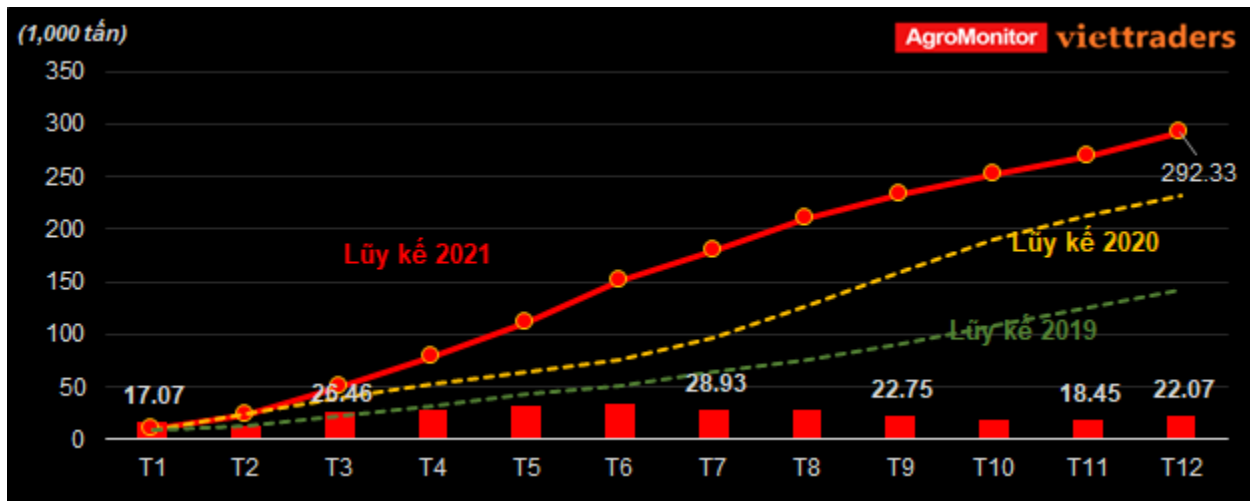


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 31/12/2021 (nghìn tấn) 13:13 07/01

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 31/12/2021

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 18/1/2022 - Đang cập nhật 07:10 18/01

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		18/01/2022	17/01/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		59,000	59,000	53,000-57,000
Heo dân	Thái Bình	57,000-60,000	57,000-60,000	51,000-57,000
	Bắc Giang	58,000-60,000	58,000-60,000	51,000-58,000
	Hà Nội	57,000-59,000	57,000-59,000	51,000-57,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		95,000-100,000	95,000-100,000	95,000-100,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,000,000-1,300,000	1,000,000-1,300,000	1,000,000-1,200,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		18/01/2022	17/01/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		57,000-59,000	57,000-59,000	50,500-56,500
Heo dân	Nghệ An	56,000-58,000	56,000-58,000	49,000-55,000
	Bình Định	-	53,000-57,000	50,000-56,000
	Đắc Lắc	54,000-56,000	54,000-56,000	49,000-54,000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		18/01/2022	17/01/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	57,000-58,000	57,000-58,000	50,500-56,000
	Miền Tây	57,000-58,000	57,000-58,000	50,500-56,000
Heo dân	Đồng Nai	-	54,000-56,000	48,000-55,000
	Tiền Giang	-	51,000-55,000	49,000-52,000
	Bến Tre	-	51,000-55,000	48,000-50,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tại 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tại 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 17/1/2022 11:42 17/01

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	32.000-34.000	32.000-34.000	29.000-34.000
	Miền Nam	26.000-28.000	26.000-28.000	23.000-28.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	32.000-34.000	32.000-34.000	29.000-33.000
	Vĩnh Phúc	32.500-34.000	33.000-34.000	30.000-34.000
	Hà Nội	32.500-34.000	33.000-34.000	30.000-34.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	26.000-28.000	26.000-27.000	22.000-27.000
	Bình Phước	26.000-28.000	26.000-27.000	22.000-27.000

Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	39.000	43.000-44.000	43.000-44.000
Gà ta lai CP – miền Trung	36.000-37.000	36.000-37.000	36.000-37.000

Gà ta lai CP – miền Nam	37.000-39.000	37.000-39.000	37.000-39.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	49.000-52.000	49.000-52.000	49.000-55.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	58.000-60.000	58.000-60.000	55.000-60.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-54.000	54.000-55.000	54.000-56.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	60.000-62.000	60.000-62.000	55.000-62.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	33.000-36.000	33.000-34.000	33.000-34.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	42.000-44.000	44.000-47.000	43.000-47.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	42.000-43.000	44.000-45.000	43.000-45.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 18/1/2022 05:28 18/01

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục giảm nhẹ.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	14,23	▼0,09	▼22,18	51.000
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	14,53	▼0,35	▼24,00	52.000
	(DCE) T3/2022	CNY/kg	-	-	-	-
	(DCE) T5/2022	CNY/kg	-	-	-	-

	(DCE) T7/2022	CNY/kg	-	-	-	-
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	110,75	—0,00	▲31,55	77.200
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	112,00	▲2,00	▲36,00	78.000
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	11.643	▲605	-	64.800
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	60.825	▼1.284	▲14.633	96.700
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	-	-	-	-
	(CME) T2/2022	Cent/lbs	-	-	-	-
	(CME) T4/2022	Cent/lbs	-	-	-	-
	(CME) T5/2022	Cent/lbs	-	-	-	-
Canada	Giao ngay	Penny/kg	175,92	—0,00	-	32.100
Brazil	Giao ngay	USD/kg	0,90	▼0,02	-	20.600

Ghi chú: Giá heo nạc Mỹ giao dịch kỳ hạn tại sàn CME áp dụng đối với heo biểu 77-87 kg/con có độ nạc 50-51%.

B. THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

Bảng 2. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kỳ năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	8,44	▲0,08	-	30.160
	Gà trắng giống	CNY/con	0,90	▲0,02	-	3.220
	Vịt thịt	CNY/kg	7,52	▼0,16	-	26.880
	Vịt giống	CNY/con	0,73	▲0,18	-	2.610
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	40,5	▲0,50	-	28.150
	Gà nửa con	Baht/kg	85,0	▲4,50	-	59.080
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	11.820
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,10	—0,00	-	25.120
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,06	▼0,01	-	24.210

Bảng 3. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kỳ năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	300,0	—0,00	-	2.090
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	293,0	▼10,0	-	2.040

	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	276,0	▼10,0	-	1.920
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.530

Thị trường Gia súc thế giới ngày 17/1/2022

17:14 17/01/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 17/01/2022	
Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân đạt 14,32 tệ/kg (▼0,01 tệ/kg); - Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 14,88 tệ/kg (▲0,01 tệ/kg); - Giá heo giống nhích lên 24,20 tệ/kg, tương đương quy đổi trên 600.000 đồng/con 7kg.
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá phổ biến tuần này tăng lên quanh mức 110-115 Baht/kg (▲5 Baht/kg); - Giá heo giống chưa có điều chỉnh mới.
	<p>▶ <u>Thương mại heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thái Lan ngừng xuất khẩu heo sống từ 06/01-05/04.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Giá heo Trung Quốc ít biến động trong 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này, dao động quanh 14,3 tệ/kg khi dịch Covid diễn biến phức tạp khiến nhiều hoạt động lễ hội chào đón năm mới bị hạn chế. Tại miền Nam Trung Quốc, giá cũng không có nhiều thay đổi, dao động quanh 15 tệ/kg, tương đương 53-56.000 đồng/kg.

- Tại sản Đại Liên, giá heo Trung Quốc tiếp tục xu hướng giảm vào đầu tuần này, còn quanh 13,8-16,0 tệ/kg cho kỳ hạn tháng 3-7/2022, tương đương 49-57.000 đồng/kg.

- Theo Cục thống kê Quốc gia Trung Quốc, tổng sản lượng thịt của nước này trong năm 2021 tăng 16,3% so với năm trước, chủ yếu đến từ sự gia tăng sản lượng thịt heo với mức tăng trưởng lên tới gần 30%.

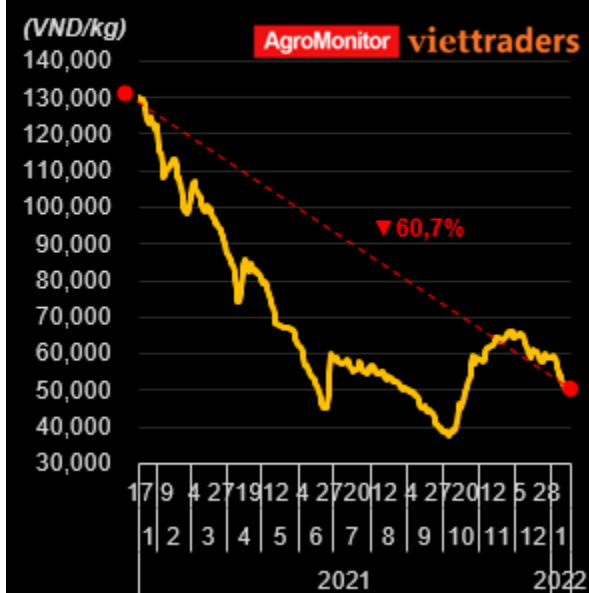
DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo hơi Trung Quốc đi vào vùng ít biến động

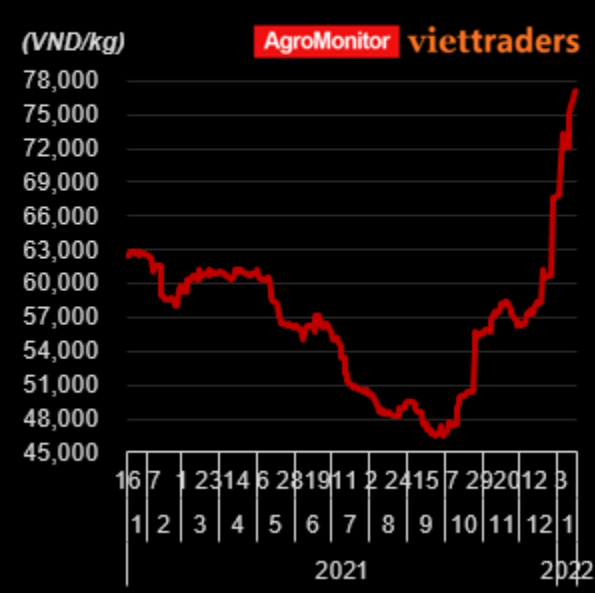
Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	15,54	▲0,08	▼0,01	▼2,65	▼23,41	55.600
Quảng Tây		14,88	▲0,01	▼0,36	▼2,67	▼23,33	53.200
Vân Nam		12,70	▲0,02	▼1,08	▼3,45	▼23,12	45.400
Phúc Kiến		15,33	▲0,17	▼0,38	▼2,24	▼22,99	54.800
Tứ Xuyên		13,97	▼0,03	▼0,79	▼3,84	▼23,62	50.000
Liêu Ninh		13,70	—0,00	▼0,37	▼1,87	▼21,75	49.000
Hà Bắc		14,28	▼0,13	▼0,69	▼2,25	▼21,18	51.100
Sơn Đông		14,36	▲0,01	▼0,61	▼2,49	▼21,37	51.300
Bình quân			14,32	▼0,01	▼0,58	▼2,57	▼22,14
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	110,00	—0,00	▲3,00	▲26,00	▲30,00	76.600
Vùng Đông Bắc		110,00	—0,00	▲4,00	▲27,00	-	76.600
Miền Trung		110,00	—0,00	—0,00	▲31,00	▲34,00	76.600
Miền Đông		114,50	—0,00	▲4,50	▲31,50	▲34,50	79.800
Miền Tây		110,00	—0,00	▲6,00	▲27,00	▲30,00	76.600
Miền Nam		110,00	—0,00	▲12,00	▲28,00	▲30,00	76.600
Bình quân			110,75	—0,00	▲4,92	▲28,42	▲31,55
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	11.038	▲17	▲224	▲845	-	61.400
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	62.109	▼48	▲1.986	▲3.343	▲15.763	98.800

Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 17/01/2021 – 17/01/2022 (VND/kg)



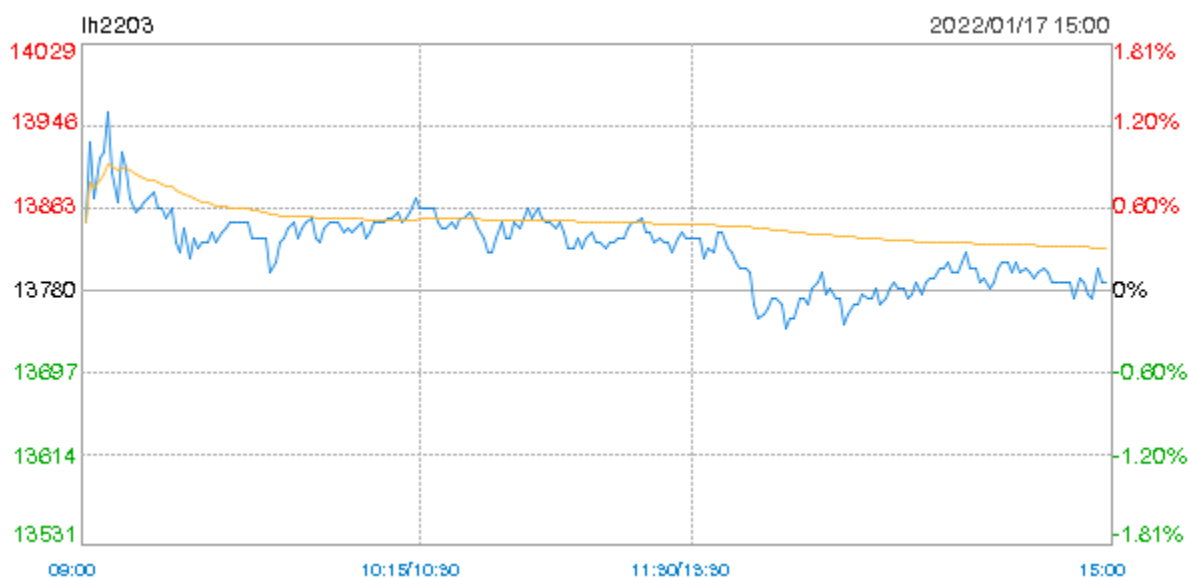
Hình 3. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 16/01/2021 – 16/01/2022 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Giá heo hơi kỳ hạn tháng 3/2022 nhích nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần này.

Hình 3. Diễn biến giá heo hơi kỳ hạn tháng 3/2022 giao dịch tại sàn Đại Liên trong phiên giao dịch hôm nay (17/01)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Giá heo giống Thái Lan chưa có điều chỉnh mới, mất bằng giá heo con Trung Quốc có chiều hướng nhích nhẹ.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại Trung Quốc và Thái Lan

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/con
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Vùng Đông Bắc	CNY/kg	22,69	▲0,02	▲0,56	▲1,08	▼80,02	567.000
Miền Bắc		23,37	▲0,01	▲0,47	▲1,12	▼83,04	584.500
Miền Đông		24,86	▲0,01	▲0,17	▲0,11	▼84,21	621.600
Miền Trung		25,18	▲0,03	▲0,32	▲0,70	▼86,77	629.300
Miền Nam		25,94	—0,00	▲0,48	▲0,60	▼87,09	648.900
Vùng Tây Nam		25,08	▲0,01	▲0,01	▼0,06	▼85,09	627.200
Vùng Tây Bắc		21,27	▲0,02	▲0,08	▲0,44	▼84,92	532.000
Bình quân			24,20	▲0,01	▲0,27	▲0,55	▼84,21
Thái Lan							
CP – 6kg	Baht/con	3.400	—0,00	▲200	▲1.100	▲1.000	2.337.000
CP – 16kg		3.700 (+/- 106)	—0,00	▲200	▲1.100	▲1.000	2.544.000
CP – 25kg		3.800 (+/- 106)	—0,00	▲200	▲1.100	▲1.000	2.612.000
Trại dân – 12kg		3.600	—0,00	▲200	▲1.100	▲1.000	2.475.000

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 3. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
24/12/2021	<p>- Romania ghi nhận thêm 43 ổ dịch tả châu Phi mới khiến 31 con heo rừng bị nhiễm bệnh và chết, 332 con heo nhà bị nhiễm bệnh, trong đó 16 con bị chết và số còn lại đã bị tiêu hủy;</p> <p>- 10 ổ dịch mới tiếp tục được ghi nhận tại Nga khiến 405 con heo nhà bị nhiễm bệnh và chết, 29.000 con khác có liên quan cũng đã bị tiêu hủy.</p>
28/12/2021	<p>- Tại Latvia, 16 ổ dịch mới tiếp tục được công bố, 18 con heo nhà đã bị nhiễm bệnh, toàn bộ số đó đã bị chết hoặc tiêu hủy;</p>

- 981 con heo nhà tại **Dominica** tiếp tục ghi nhận bị nhiễm dịch tả châu Phi từ 25 ổ dịch, 513 con trong số đó đã bị chết và số còn lại đã bị tiêu hủy.

Sản xuất – Tiêu thụ

► Tại Trung Quốc

Trong 4 doanh nghiệp chăn nuôi có lượng heo sống xuất bán nhiều nhất trong năm 2021 tại Trung Quốc, ngoài trừ tập đoàn Zhenbang Technology chỉ hoàn thành 75% kế hoạch đề ra thì cả 3 doanh nghiệp còn lại đều có lượng heo xuất bán vượt mục tiêu, trong đó riêng Muyuan có tới trên 40 triệu con heo xuất bán cho cả năm, chiếm tới trên 40% thị phần.

Bảng 4. Lượng heo sống xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi nổi bật tại Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 11	Tháng 12	So với tháng trước	So với mục tiêu xuất bán năm 2021		
					Cả năm 2021	Mục tiêu	Tiến độ
1	Muyuan	3.874,0	5.025,0	▲30%	40.264,0	40.000,0	101%
2	Zhenbang Tech	1.003,8	805,2	▼20%	14.926,6	20.000,0	75%
3	New Hope	904,3	1.071,6	▼19%	9.978,1	9.000,0	111%
4	Wen's	1.195,6	1.227,0	▲3%	13.217,4	12.000,0	110%
5	Cofco	268,0	307,0	▲15%	3.437,0	-	-
6	Dabeinong	454,1	453,5	▼1%	4.307,8	5.000,0	86%
7	Aonong Bio	410,6	416,9	▲2%	3.245,9	4.000,0	81%
8	Tianbang	566,3	367,7	▼35%	4.278,1	7.000,0	61%
9	Tiankang Bio	122,6	147,3	▲20%	1.603,3	2.000,0	80%
10	Tang Ren Shen	93,6	125,2	▲34%	1.542,3	2.000,0	77%
11	Jin Xinnong	117,7	206,1	▲75%	1.068,9	1.200,0	75%
12	Longda Meat	32,8	-	-	-	-	-
13	Luo Niu Shan	42,3	-	-	-	-	-
14	Dawnrays	36,9	39,9	▲8%	367,6	360,0	102%
15	Zhenhong Tech	39,2	23,2	▼41%	244,1	-	-
Tổng		9.161,8		-	-	-	-

Thương mại

► **Tại Thái Lan**

Thái Lan hiện vẫn tạm ngưng xuất khẩu cho tới hết ngày 05/04.

Bảng 5. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường	Tuần kết thúc 08/01	Tuần kết thúc 15/01	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	-	-	-	
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	-	-	-	
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 6. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần 12/01/2022 (tệ/kg)

Loại giá	tệ/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
<u>Thức ăn chăn nuôi</u>					
Ngô	2,88	▼ 0,4%	▲ 7,0%	10.400	- Giá ngô bình quân tại ba tỉnh Đông Bắc tại các khu vực sản xuất chính là 2,58 tệ/kg, giảm 0,4% so với tuần trước; - Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, khu vực bán hàng chính , là 3,07 tệ / kg, tăng 0,3% so với tuần trước.
Khô đậu tương	3,80	▲ 0,4%	▲ 6,7%	13.700	
Cám heo	3,66	▲ 0,6%	▲ 6,7%	13.200	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng
<u>Sản phẩm chăn nuôi</u>					
Thịt heo	27,71	▼ 0,6%	▼ 47,7%	100.100	- Tuần giảm thứ 5 liên tiếp.
Thịt bò	87,96	▲ 0,8%	▲ 0,4%	317.800	- Giá thịt bò bình quân tại các tỉnh sản xuất chính như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 79,35 tệ/kg, tăng 0,1% so với tuần trước.

Thịt cừu	85,10	▲ 0,3%	▲ 0,2%	307.500	- Giá thịt cừu bình quân tại các tỉnh sản xuất chính như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 79,37 tệ / kg, giảm 0,1% so với tuần trước.
Thịt gà	22,55	▼ 0,6%	▼ 0,4%	81.500	
Sữa bò	4,25	▼ 0,6%	▲ 0,8%	15.400	- Giá bình quân tại 10 tỉnh sản xuất bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc; - Tuần giảm thứ 3 liên tiếp.
Trứng gà	11,06	▼ 1,0%	▲ 11,5%	40.000	- Giảm trong 7 tuần liên tiếp.

Ghi chú: * Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối

* Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê

Bảng 7. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 17/01/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,727	—0,00	AUD/VND*	16.786	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,181	—0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,799	—0,00	CAD/VND*	18.445	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,157	—0,00	CNY/VND	3.574	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,146	—0,00	EUR/VND*	26.722	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,371	—0,00	GBP/VND*	31.607	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,59	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,58	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	—0,00	THB/VND*	695	—0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22.840	—0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Thị trường Gia súc nội địa ngày 17/1/2022

15:57 17/01/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 17/01/2022

THỊ TRƯỜNG HEO

Giao dịch heo hơi nội địa

<u>Miền Bắc</u>	Sau khi tăng liên tục vào tuần trước, với tổng mức tăng gần 10.000 đồng/kg, kéo mặt bằng giá heo tiệm cận mức 60.000 đồng/kg thì giá heo chững đà tăng vào hôm nay do nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh.	Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam: - Từ thứ 7 tuần trước, khi giá heo tại chợ Ngọc Lũ khó đẩy tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá heo miền Trung/miền Nam tăng mạnh khiến nhu cầu đóng heo từ miền Trung/miền Nam ra Bắc giảm thì từ ngày mai lượng heo từ các khu vực này ra Bắc sẽ ít lại.
<u>Miền Trung</u>	Giá heo được hỗ trợ bởi nhu cầu đóng heo đi Thái thông qua cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum) và Lệ Thanh (Gia Lai). Giá heo miền Trung cũng tăng mạnh, lên vùng 57-58.000 đồng/kg.	
<u>Miền Nam</u>	Miền Đông: Nhờ lực đóng ra Bắc cùng 1 số xe đóng đi cửa khẩu nên mặt bằng giá cũng đẩy tăng liên tiếp, lên quanh 56-58.000 đồng/kg. Miền Tây: Khu vực này hiện có giá heo thấp nhất cả nước khi mặt bằng giá phổ biến quanh 53-55.000 đồng/kg.	
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ		
<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Bắc</u>	<i>Chợ Ngọc Lũ:</i> - Lượng heo về chợ tăng, đạt 3.500 con, trong đó có 12 xe heo từ miền Trung/miền Nam và một phần heo tồn từ hôm qua chuyển sang. Chợ bán linh xình với giá heo đầu 61.500 đồng/kg, phổ biến 57.000 đồng/kg.	
	<i>Lò Vạn Phúc:</i> Giá heo móc hàm (gồm cả đầu lòng): 72.000-75.000 đồng/kg	
<u>Chợ đầu mối, lò mổ -HCM</u>	<i>Chợ Tân Xuân:</i> - Hai ngày cuối tuần trước và đầu tuần này lượng heo nhập lò đạt 4.700 con, nhập chợ đạt 3.800-4.000 con. - Giao dịch tại chợ: Chợ bán được giá vào đầu phiên nhưng rớt nhẹ còn 60-62.000 đồng/kg vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 68-70.000 đồng/kg.	
<i>Biên mậu</i>		
Do giá heo miền Trung cũng tăng mạnh, lên vùng 57-58.000 đồng/kg nên lượng heo đóng đi Thái giảm lại, còn 2 xe/ngày/cửa khẩu, từ mức 5 xe/ngày/cửa khẩu vào tuần trước.		

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, sau khi tăng liên tục vào tuần trước, với tổng mức tăng gần 10.000 đồng/kg, kéo mặt bằng giá heo tiệt cận mức 60.000 đồng/kg thì giá heo chững đã tăng vào hôm nay do nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh.

- Giá heo hơi tăng mạnh trong khi giá heo mảnh và heo bán lẻ không tăng tương ứng khiến cánh lái mổ nghi bán nhiều, làm lượng heo đưa về các lò mổ và chợ đầu mối bán không hết, phải để tồn tới hôm sau.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		59,000	57,000	53,000-57,000
Heo dân	Thái Bình	57,000-60,000	55,000-57,000	51,000-57,000
	Bắc Giang	58,000-60,000	55,000-58,000	51,000-58,000
	Hà Nội	57,000-59,000	55,000-57,000	51,000-57,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		95,000-100,000	95,000-100,000	95,000-100,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,000,000-1,300,000	1,000,000-1,300,000	1,000,000-1,300,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

- Tại **miền Trung**, giá heo được hỗ trợ bởi nhu cầu đóng heo đi Thái thông qua cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum) và Lệ Thanh (Gia Lai). Do giá heo miền Trung cũng tăng mạnh, lên vùng 57-58.000 đồng/kg nên lượng heo đóng đi Thái giảm lại, còn 2 xe/ngày/cửa khẩu, từ mức 5 xe/ngày/cửa khẩu vào tuần trước.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực	17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Heo hơi			
Heo công ty-Miền Trung	57,000-59,000	54,500-56,500	50,500-56,500

Heo dân	Nghệ An	56,000-58,000	52,000-55,000	49,000-55,000
	Bình Định	53,000-57,000	53,000-56,000	50,000-56,000
	Đắc Lắc	54,000-56,000	52,000-54,000	49,000-54,000

3. Miền Nam

- Tại **miền Nam**, nhờ lực đóng ra Bắc cùng 1 số xe đóng đi cửa khẩu nên mặt bằng giá cũng đầy tăng liên tiếp, lên quanh 56-58.000 đồng/kg. Khu vực miền Tây hiện có giá heo thấp nhất cả nước khi mặt bằng giá giao dịch phổ biến quanh 53-55.000 đồng/kg.

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	57,000-58,000	54,500-56,000	50,500-56,000
	Miền Tây	57,000-58,000	54,500-56,000	50,500-56,000
Heo dân	Đồng Nai	54,000-56,000	53,000-55,000	48,000-55,000
	Tiền Giang	51,000-55,000	50,000-52,000	49,000-52,000
	Bến Tre	51,000-55,000	50,000-52,000	48,000-52,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt 3.500 con, trong đó có 12 xe heo từ miền Trung và miền Nam và một phần heo tồn từ hôm qua chuyển sang. Tuy nhiên, từ thứ 7, khi giá heo tại chợ khó đẩy tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá heo miền Trung/miền Nam tăng mạnh khiến nhu cầu đóng heo từ miền Trung/miền Nam ra Bắc giảm thì từ ngày mai lượng heo từ các khu vực này ra Bắc sẽ ít lại. Chợ bán linh xình với giá heo đầu 61.500 đồng/kg, phổ biến 57.000 đồng/kg.

- Tại **chợ Tân Xuân**, hai ngày cuối tuần trước và đầu tuần này lượng heo nhập lò đạt 4.700 con, nhập chợ đạt 3.800-4.000 con. Chợ bán được giá vào đầu phiên nhưng rút nhẹ còn 60-62.000 đồng/kg vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 68-70.000 đồng/kg.

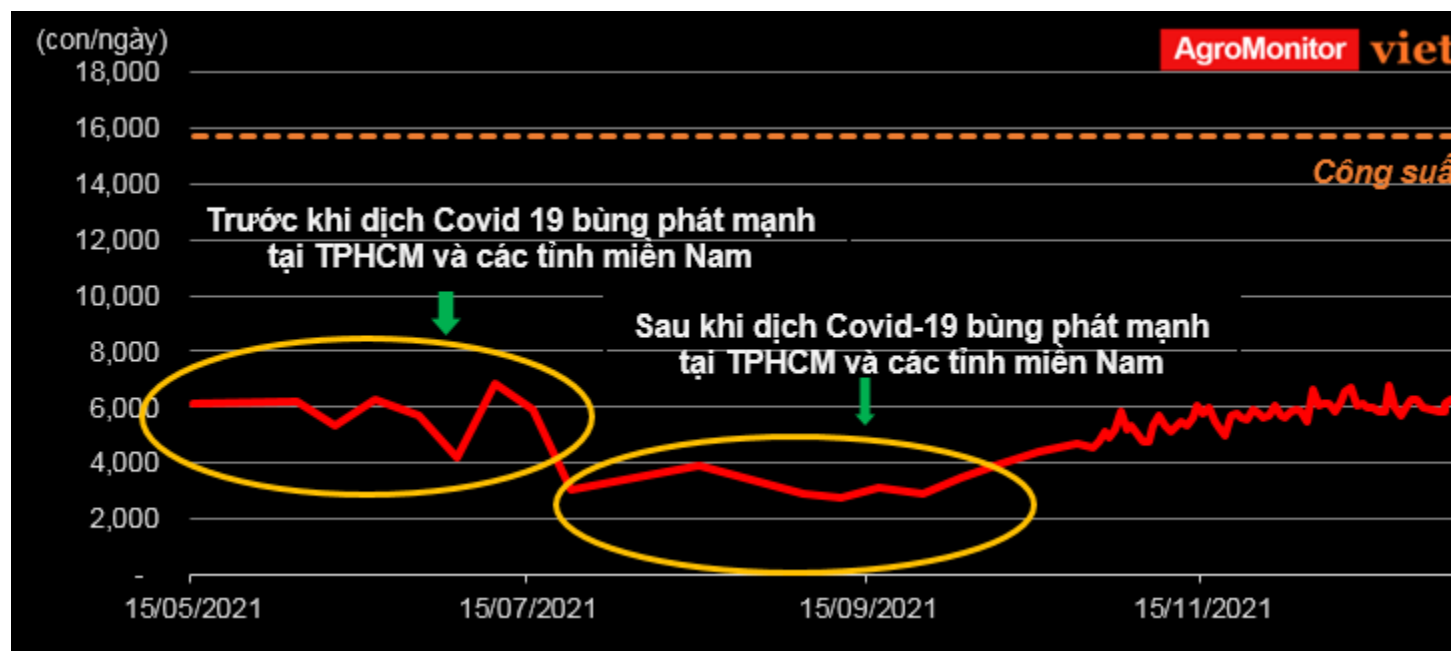
Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

Khu vực	Chợ đầu mối		17/01/2022	14/01/2022
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	3,500	~4,000
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến(đồng/kg)	57,000-61,500	55,000-60,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	4,000	4,157
		Giá giao dịch (đồng/kg)	60,000-72,000	58,000-67,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	17/01/2022	14/01/2022
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	76,000	75,000
		CP - miền Nam	67,500-69,000	66,500-68,000
		CJ - miền Nam	68,000	67,000
		Eminvest - miền Nam	68,500	67,500
	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	72,000-75,000	68,000-73,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	50,000	50,000
	Công ty	CP - miền Nam	37,000	37,000

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 15/01/2022) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Biên mẫu

- Do giá heo miền Trung cũng tăng mạnh nên lượng heo đóng đi Thái giảm lại, còn 2 xe/ngày/cửa khẩu, từ mức 5 xe/ngày/cửa khẩu vào tuần trước.

IV. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 7. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Sau giai đoạn quét các trại thịt thì từ cuối tháng 12 trở lại đây dịch tai xanh kết hợp tả thường và tả châu phi đang bùng phát trên đàn heo nái, ở cả những trại chưa từng bị dịch khiến tỷ lệ loại thải nái có thể đạt trên 10% cùng lượng heo con theo mẹ bị tiêu hủy.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi có chiều hướng êm hơn tại cả khu vực Bắc miền Trung và Nam miền Trung. Riêng tại Tây Nguyên, sau khi dịch tả châu Phi quét mạnh ở thời điểm tháng 10, 11 (dương lịch) khiến nguồn cung heo bị giảm đi đáng kể, đặc biệt ở những trại dân có quy mô nhỏ, thì hiện nay, dịch bệnh trên heo hiện cũng chỉ còn lác đác ở một số trại.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi và tai xanh vẫn còn lai rai nổi tại nhiều vùng ở cả miền Đông và miền Tây.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

I. Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	17/01/2022	14/01/2022
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiếu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiếu – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuột – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuột – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuột – bò ta	222.000	222.000

Bảng 9. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	17/01/2022	14/01/2022
Bò thiếu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiếu – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuột Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 17/1/2022

13:01 17/01/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 17/01/2022

<u>Gà trắng</u>	<p>Tại miền Bắc: 32.000-34.000 đồng/kg</p> <p>Giá gà trắng có khả năng sẽ giảm tiếp do giao dịch tại chợ đầu mối ảm đạm cộng với thời tiết ngoài Bắc chuyển mưa rét khiến tiêu thụ yếu hơn.</p>
	<p>Tại miền Nam: 26.000-28.000 đồng/kg</p> <p>Cung gà biểu to trên 3 kg/con giảm nhẹ, trong khi tiêu thụ nội vùng tương đối tốt hỗ trợ giá có thể sẽ bật tăng tốt trong ngắn hạn tới.</p>
<u>Lò giết mổ An Nhơn</u>	<p>Lượng gia cầm bình quân đưa về giết mổ trong tuần thứ 2 của tháng đạt hơn 78.800 con/ngày, tiếp tục tăng 8% so với tuần trước đó.</p>
<u>Gà ta lai CP</u>	<p>Tại miền Bắc: 39.000 đồng/kg</p> <p>Tại miền Nam: 37.000-39.000 đồng/kg</p> <p>Tại miền Bắc, tiêu thụ gà màu trong những ngày cận rằm tháng 12 âm lịch chậm hơn nhiều so với cùng kỳ mọi năm khiến cung vượt cầu.</p>
	<p>Tại miền Bắc: 33.000-36.000 đồng/kg</p> <p>Tiêu thụ vịt thịt tại các chợ đầu mối khá chậm nhưng do nguồn cung vịt hột nhẹ hỗ trợ giá nhích tăng.</p>
<u>Vịt thịt</u>	<p>Tại miền Nam: 42.000-44.000 đồng/kg</p> <p>Giá vịt tăng cao trong tuần trước khiến lực bán tại trại chậm tay hơn.</p>
	<p>Lượng gà màu đưa về chợ: 5.000-6.000 con/ngày</p> <p>Giá gà màu nhập về chợ: 49.000-53.000 đồng/kg</p> <p>Giá gà màu bán ra tại chợ: 51.000-57.000 đồng/kg</p> <p>Tiêu thụ gà màu trong 2 ngày gần đây rất yếu, lượng gà tồn tại chợ nhiều hơn.</p>
<u>Chợ Hà Vỹ</u>	

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, giá các công ty đồng loạt chững lại hoặc giảm nhẹ vào cuối tuần trước, giao dịch phổ biến 32-34.000 đồng/kg, tùy biểu. Trong khi đó, lực bán tại trại dân chậm hơn cộng với việc nguồn cung gà đang có lại khiến giá linh xình giảm nhẹ xuống phổ biến 32.500 đồng/kg áp dụng cho biểu 3.4-3.5 kg/con, giá hàng đầu bán được 34.000 đồng/kg với gà 3.8 kg/con. Theo nhận định của thương nhân, giá gà trắng có khả năng sẽ giảm tiếp do giao dịch tại chợ đầu mối âm ảm cộng với thời tiết ngoài Bắc chuyển mưa rét trong tuần này khiến tiêu thụ yếu hơn.

- Ngược lại, giao dịch gà trắng tại miền Nam sôi động hơn khi biểu gà to trên 3 kg/con giảm nhẹ, trong khi tiêu thụ nội vùng tương đối tốt, giá bán tại trại phổ biến 26-28.000 đồng/kg. Dự kiến, giá gà tại miền Nam có thể sẽ bật tăng tốt trong tuần này giúp người chăn nuôi có lời khá.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

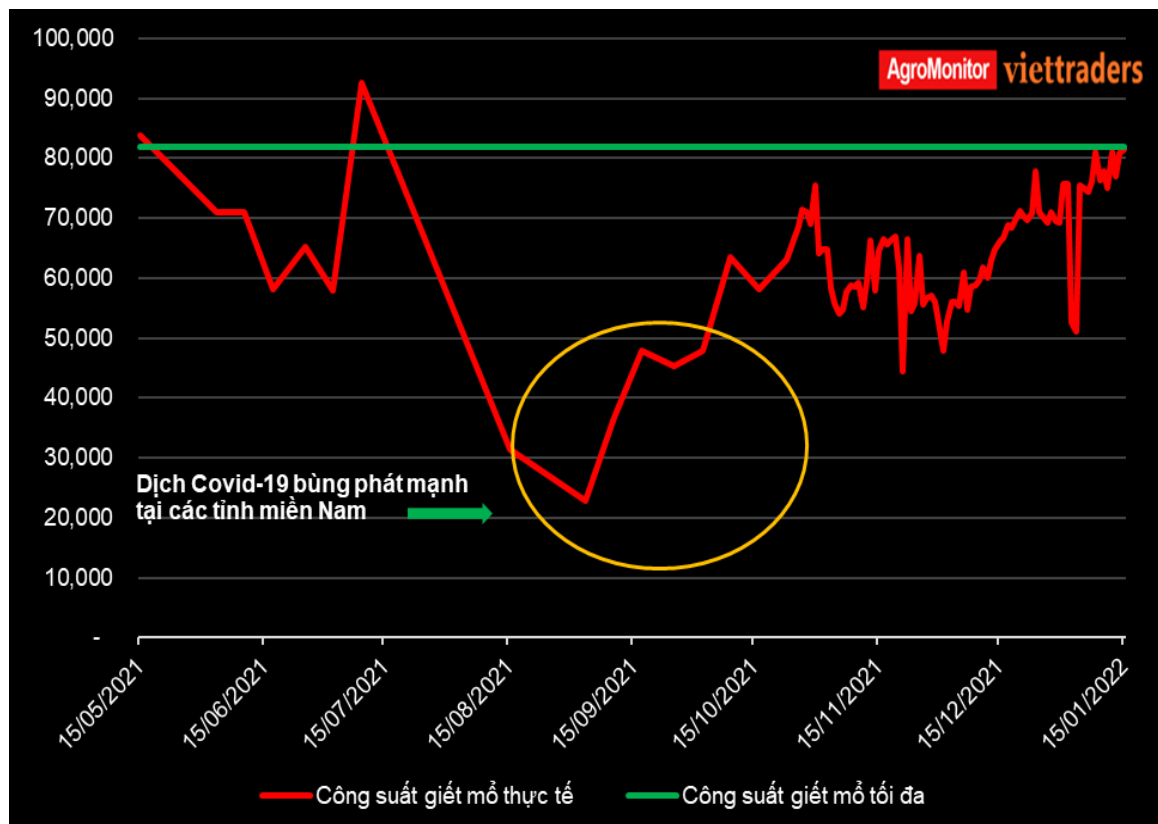
	Khu vực	17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	32.000-34.000	32.000-34.000	29.000-34.000
	Miền Nam	26.000-28.000	26.000-28.000	23.000-28.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	32.000-34.000	32.000-34.000	29.000-33.000
	Vĩnh Phúc	32.500-34.000	33.000-34.000	30.000-34.000
	Hà Nội	32.500-34.000	33.000-34.000	30.000-34.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	26.000-28.000	26.000-27.000	22.000-27.000
Bình Phước	26.000-28.000	26.000-27.000	22.000-27.000	

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm bình quân đưa về giết mổ trong tuần thứ 2 của tháng đạt hơn 78.800 con/ngày, tiếp tục tăng 8% so với tuần trước đó.

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 2 tháng 1 (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	10/01	11/01	12/01	13/01	14/01	15/01
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	77,950	75,014	80,970	76,950	80,781	81,414

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Diễn biến gà trắng giống

- Tại miền Bắc, giá giống ăn cám công ty CP nổi dài đã giảm trong tuần này, xuống còn 4.000 đồng/con (trên hóa đơn), giao dịch thực tế chỉ được 3.500 đồng/con. Nhu cầu thu mua con giống yếu hơn do thời tiết từ nay đến Tết Nguyên đán được dự báo sẽ rét hại khiến người chăn nuôi dè chừng trong việc tái đàn.
- Tại miền Nam, giá giống ổn định quanh mức 7.500-9.000 đồng/con, lực vào đàn tương đối ổn định do tình hình dịch bệnh Covid 19 được kiểm soát khiến thị trường lạc quan hơn về tiêu thụ gia cầm.

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	17/01/2022	14/01/2022
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	6.000	6.000
	Ăn cám công ty	3.500-5.000	4.500-5.000
DOC- miền Nam	Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000
	Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000

- Tại miền Bắc, giá trứng có điều chỉnh giảm liên tục trong 2 tuần đầu của tháng 1 do các công ty làm bánh kẹo đã ngừng thu gom trứng tiêu thụ đợt Tết Nguyên đán.

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	17/01/2022	14/01/2022
---------	------------	------------	------------

Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2000	2100
	Mix04(>=20.3kg)	1900	2000
	Mix05(>=19.3kg)	1850	1950
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1850	1850
	Loại 22.5kg	1750	1750
	Loại 21.5kg	1650	1650
	Loại 20.5kg	1600	1600
	Loại 19.5kg	1550	1550

Gà màu

- Tại miền Bắc, tiêu thụ gà màu trong những ngày cận rằm tháng 12 âm lịch chậm hơn nhiều so với cùng kỳ mọi năm khiến cung vượt cầu, giá gà nuôi trên 4 tháng tại Minh Dư giảm còn 50-54.000 đồng/kg, trong khi giá gà ta lai nuôi non 70 ngày tuổi bán buôn chỉ được 39.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam, giá gà ta lai giao dịch ổn định quanh mức 37-39.000 đồng/kg, tiêu thụ khá tốt.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	39.000	43.000-44.000	43.000-44.000
Gà ta lai CP – miền Trung	36.000-37.000	36.000-37.000	36.000-37.000
Gà ta lai CP – miền Nam	37.000-39.000	37.000-39.000	37.000-39.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	49.000-52.000	49.000-52.000	49.000-55.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	58.000-60.000	58.000-60.000	55.000-60.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-54.000	54.000-55.000	54.000-56.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	60.000-62.000	60.000-62.000	55.000-62.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	17/01/2022	14/01/2022
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Tiến Đạt	8.500	8.500
DOC- Lai mía	9.000-10.000	9.000-10.000
DOC- Lai Hồ	9.000-10.000	9.000-10.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	17/01/2022	14/01/2022
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dur	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-6.000	5.000-6.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt đảo chiều tăng nhẹ lại ngưỡng 33-36.000 đồng/kg, tùy vùng. Tiêu thụ vịt thịt tại các chợ đầu mối khá chậm nhưng do nguồn cung vịt hụt nhẹ hỗ trợ giá nhích tăng.

- Tại miền Nam, giá tại các khu vực đồng loạt giảm lại quanh mức 42-44.000 đồng/kg do giá vịt tăng cao trong tuần trước khiến lực bán tại trại chậm tay hơn.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	17/01/2022	14/01/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	33.000-36.000	33.000-34.000	33.000-34.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	42.000-44.000	44.000-47.000	43.000-47.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	42.000-43.000	44.000-45.000	43.000-45.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	17/01/2022	14/01/2022
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	9.000-10.000	9.000-10.000
	DOC- Vịt Grimaud	9.000-10.000	9.000-10.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	2.000-3.000	2.000-3.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	12.000-13.000	12.000-13.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ hôm nay được khoảng dưới 3.000 con với giá nhập về có chiều hướng giảm, xuống phổ biến ngưỡng 36-37.000 đồng/kg cho gà biểu 3.8 kg/con, cá biệt gà nhỏ dưới 3.5 kg/con chỉ được giá 35.500 đồng/kg nhưng không nhiều. Do tiêu thụ gà trắng có phần chậm lại trong ngày rằm âm lịch kéo giá bán ra có chiều hướng giảm, xuống còn 37-40.000 đồng/kg, tùy gà mái hay gà trống.

- Với giao dịch gà màu, lượng gà về chợ nay giảm còn 5-6.000 con/ngày do tiêu thụ gà màu tại chợ trong 2 ngày gần đây rất yếu, lượng gà tồn cuối ngày nhiều hơn. Theo đó, giá gà nuôi trên 4 tháng tại các công ty nhập về giảm còn 49-53.000 đồng/kg, giá bán ra quanh 51-57.000 đồng/kg.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	17/01/2022	14/01/2022
Gà trắng	Mua vào	36.000-37.000	39.000
	Bán ra	37.000-40.000	39.000-42.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	49.000-52.000	49.000-52.000

	Bán ra	51.000-56.000	54.000-56.000
Gà Japfa	Mua vào	50.000-52.000	50.000-52.000
	Bán ra	53.000-56.000	55.000-57.000